TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHƯ PƯH** **TỈNH GIA LAI**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 24/2023/HNGĐ-ST
Ngày 13-10-2023
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANHNƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHƯ PƯH, TỈNH GIA LAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Nay Lu Vinh,
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Nguyễn Viết Thuận.
2. Bà Nguyễn Thị Mừng.

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Đinh Thị Thuỳ - Thư ký Toà án nhân dân huyện Chư Pưh, tỉnh Gia Lai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chư Pưh, tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa: Bà Trịnh Thị Xây - Kiểm sát viên,

Ngày 13 tháng 10 năm 2023 tại Toà án nhân dân huyện Chư Pưh, tỉnh Gia Lai, xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 140/2022/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 10 năm 2022 về việc "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 25/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 07 tháng 9 năm 2023, và Quyết định hoãn phiên tòa số: 26/2023/QĐST-HNGĐ ngày 25 tháng 9 năm 2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1975; Có mặt.
Trú tại: Thôn H, thị trấn N, huyện C, tỉnh Gia Lai.

2 Bị đơn: Anh Phan Văn C, sinh năm 1972; Vắng mặt.
Trú tại: Thôn H, thị trấn N, huyện C, tỉnh Gia Lai.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

***** Tại đơn khởi kiện, trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Nguyễn Thị T trình bày:

- *Về hôn nhân*: Sau thời gian tìm hiểu, được hai bên gia đình đồng ý, chị và anh Phan Văn C tổ chức đám cưới 1999 và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện T, tỉnh Bình Định vào ngày 20/5/2002. Sau khi hết hôn anh chị sinh sống tại xã B, huyện T, tỉnh Bình Định cho đến năm 2008 chuyển đến sinh sống tại xã N, huyện C (nay là thị trấn N, huyện C), tỉnh Gia Lai cho đến nay. Cuộc sống vợ chồng sau khi kết hôn hạnh phúc cho đến đầu năm 2018 thì nảy sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do hai vợ chồng tính cách không hợp nhau, thường xuyên cãi vả, anh C

thường xuyên rượu chè, đánh đập, mắng chửi chị. Cuộc sống vợ chồng từ đây không còn hạnh phúc. Chị cảm thấy cuộc sống vợ chồng không thể tiếp tục được nữa, mâu thuẫn không thể hàn gắn được. Anh chị đã sống ly thân được 01 năm. Do đó, chị đề nghị quý Tòa án nhân dân huyện Chư Pưh, tỉnh Gia Lai giải quyết cho chị được ly hôn với anh Phan Văn C.

- *Về con chung:* Chị và Anh C có 03 người con chung là Phan Đức T1, sinh năm 1999 (nam), Phan Tú T2, sinh ngày 08/9/2001 (nữ), Phan Tú T3, sinh ngày 26/3/2009 (nữ).

Hiện con chung Phan Đức T1 và Phan Tú T2 đã thành niên trưởng thành. Chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị nuôi dưỡng cháu Phan Tú T3, sinh ngày 26/3/2009 (nữ). Chị không yêu cầu anh Phan Văn C cấp dưỡng nuôi con trong vụ án này.

- *Về tài sản chung và nợ chung*: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

***** Đối với bị đơn anh Phan Văn C: Từ khi thụ lý vụ án cho đến nay, Toà án đã nhiều lần tống đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, Giấy triệu tập, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa nhưng anh C đều vắng mặt không có lý do. Tại phiên toà hôm nay, anh C tiếp tục vắng mặt, không có bản tự khai, không trình bày ý kiến, không cung cấp tài liệu, chứng cứ gì liên quan đến yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn để Hội đồng xét xử xem xét, giải quyết; mặc dù anh C biết chị T khởi kiện xin ly hôn anh tại Tòa án.

Cháu Phan Tú T3 có nguyện vọng sống với mẹ là chị Nguyễn Thị Tuyết .

Qua xác minh tại địa phương vào ngày 09/8/2023 thì anh C và chị T có đăng ký hộ khẩu thường trú và sinh sống tại thôn H, thị trấn N, huyện C, tỉnh Gia Lai. Từ giữa năm 2022 giữa vợ chồng anh C và chị T có xảy ra mâu thuẫn nên anh chị đã sống ly thân. Chị T đi thuê nhà để ở còn anh C ở nhà chung của vợ chồng. Thời gian gần đây anh C thường xuyên không ở nhà, do anh C không báo nên chính quyền thôn không biết anh C đi đâu, làm gì.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của nguyên đơn, bị đơn trong quá trình giải quyết vụ án: kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm HĐXX nghị án về cơ bản là đúng pháp luật.

- Về giải quyết vụ án.

Về hôn nhân: Căn cứ theo Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật HNGĐ đề nghị HĐXX xử cho chị Nguyễn Thị T được ly hôn với anh Phan Văn C.

Về con chung: Cháu Phan Tú T3, sinh ngày 26/3/2009 (nữ) hiện đang sống cùng chị T và được chị T chăm sóc, nuôi dưỡng đầy đủ. Xét nguyện vọng của các cháu T3 mong muốn được ở với mẹ. Căn cứ theo Điều 81, 82, 83, 84 Luật HNGĐ đề nghị HĐXX quyết định giao cháu: Phan Tú T3, sinh ngày 26/3/2009 (nữ) cho chị T chăm sóc, nuôi dưỡng;

Về cấp dưỡng nuôi con: Ghi nhận sự tự nguyện của chị T không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con.

- Về án phí: Căn cứ Điều 147 BLTTDS và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH, buộc chị Nguyễn Thị T phải chịu án phí DSST là 300.0000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] **Về thủ tục tố tụng:**

Chị Nguyễn Thị T khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết về ly hôn, tranh chấp nuôi con chung. Anh Phan Văn C có địa chỉ tại thôn H, thị trấn N, huyện C, tỉnh Gia Lai, do đó đây là tranh chấp về hôn nhân gia đình theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Chư Pưh, tỉnh Gia Lai. Tòa án nhân dân huyện Chư Pưh, tỉnh Gia Lai thụ lý, giải quyết theo thủ tục sơ thẩm là đúng thẩm quyền.

[2] Về sự vắng mặt của các đương sự: Anh Phan Văn C (là bị đơn trong vụ án) đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt anh C.

[3] **Về nội dung vụ án:**

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị T và anh Phan Văn C tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện T, tỉnh Bình Định vào ngày 20/5/2002. Đây là hôn nhân hợp pháp. Cuộc sống vợ chồng hạnh phúc đến năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn do hai bên tính cách không hợp nhau, thường xuyên xảy ra cãi vả. Vợ chồng đã sống ly thân từ cuối năm 2022 cho đến nay mà không còn liên hệ về tình cảm với nhau nữa. Chị T thuê nhà khác để ở còn anh C sinh sống tại nhà chung của anh chị. Hội đồng xét xử xét thấy, mặc dù Tòa án triệu tập lấy ý kiến, hòa giải để vợ chồng đoàn tụ, song anh C đều cố tính vắng mặt mà không có lý do, không thiện chí trong việc duy trì hạnh phúc gia đình mà phó mặc cho việc giải quyết của Tòa án. Xét thấy: hôn nhân của chị T và anh C đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được; Chị T yêu cầu được ly hôn với anh C là có căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình nên được chấp nhận.

[3.2] Về con chung: Anh chị có có 03 người con chung là Phan Đức T1, sinh năm 1999 (nam), Phan Tú T2, sinh ngày 08/9/2001 (nữ), Phan Tú T3, sinh ngày 26/3/2009 (nữ).

Hiện con chung Phan Đức T1 và Phan Tú T2 đã thành niên trưởng thành. Cháu T3 đang ở với chị T và được chăm sóc, nuôi dưỡng tốt; Xét chị T có nguyện vọng được nuôi dưỡng con chung là phù hợp với nguyện vọng của cháu T3.

Vì vậy, áp dụng Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, xử cho chị Nguyễn Thị T được nuôi dưỡng con chung là cháu Phan Tú T3, sinh ngày 26/3/2009 (nữ) là hợp lý; Ghi nhận sự tự nguyện của chị T không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con chung.

[3.3] Về tài sản chung và nợ chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết; nên không đề cập xử lý.

[4] **Về án phí sơ thẩm**: Chị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm sung vào công quỹ Nhà nước theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Tuyết .

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị T được ly hôn anh Phan Văn C.

2. Về con chung: Giao cháu Phan Tú T3, sinh ngày 26/3/2009 (nữ) cho chị Nguyễn Thị T trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con chưa thành niên, con đã thành niên mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình;

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi; người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở; Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị T phải chịu 300.000 đồng tiền án phí sơ thẩm được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng đã nộp theo biên lai số 0001157 ngày 17/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chư Pưh, tỉnh Gia Lai.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại điều 6, điều 7, 7a, 7b và điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án

4. Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết hợp lệ./.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- UBND xã Bình Hòa, huyện Tây Sơn, tỉnh Bình Định (năm 2002);
- VKS nhân dân huyện Chư Pưh;
- Chi cục THA huyện Chư Pưh;
- Lưu VT/hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nay Lu Vinh